

Môn: Khoa học Tự nhiên

(Kèm theo Quyết định số 7008/QĐ-SGDĐT, ngày 24/9/2025 của Sở GDĐT)

I. Quy định chung

- (1). Thời gian làm bài thi: 60 phút *(Không tính thời gian phát đề)*.
- (2). Phạm vi kiến thức: Chủ yếu Chương trình môn Khoa học tự nhiên lớp 9 trong Chương trình GDPT môn Khoa học Tự nhiên của Bộ GDĐT.
- (3). Hình thức bài thi: Trắc nghiệm 100%.
- (4). Mức độ nhận thức trong đề thi: Nhận biết 40%; Thông hiểu 30%; Vận dụng 30%.
- (5). Các câu trong đề thi không trùng với các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.

II. Cấu trúc đề thi

(1). Đề thi gồm 3 Phần I, II, III theo 3 dạng thức trắc nghiệm:

- Phần I gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng.
- Phần II gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng Đúng/Sai; mỗi câu hỏi có 04 ý (2 ý ở mức độ Hiểu, 2 ý ở mức độ Vận dụng), tại mỗi ý thí sinh lựa chọn Đúng hoặc Sai.
- Phần III gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng trả lời ngắn, mỗi câu hỏi có 1 lệnh hỏi và kết quả mỗi lệnh có tối đa 4 ký tự (chữ số và dấu phẩy).

(2). Bảng quy định cho từng phần

Phần	Dạng thức trắc nghiệm	Số câu/ý hỏi và điểm chia theo mức độ nhận thức			Tổng số câu
		Biết	Hiểu	Vận dụng	
I	Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	16 câu	6 câu		22 câu
II	Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai		6 ý hỏi	6 ý hỏi	3 câu
III	Trắc nghiệm dạng trả lời ngắn			6 câu	6 câu
Tổng điểm tối đa		4,0 điểm (40%)	3,0 điểm (30%)	3,0 điểm (30%)	10 điểm (100%)

III. Cách thức tính điểm

(1). Phần I (5,5 điểm): Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

(2). Phần II (3,0 điểm):

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,10 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,50 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,00 điểm.

(3). Phần III (1,5 điểm): Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

Tổng điểm tối đa toàn bài: 10 điểm.

IV. Bảng nội dung và mức độ tư duy

TT	Chủ đề	Nội dung kiến thức	Số ý hỏi ở mức độ		
			Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Năng lượng cơ học	- Cơ năng, Động năng, thế năng. - Công và công suất.	1	1	
2	Ánh sáng	- Định luật khúc xạ ánh sáng. - Sự phản xạ toàn phần. - Thấu kính. - Kính lúp.	2	1	2
3	Điện	- Dòng điện không đổi. - Điện trở, Định luật Ohm cho đoạn mạch. - Đoạn mạch nối tiếp và song song. - Năng lượng điện và công suất điện.	1	2	2
4	Từ	- Cảm ứng điện từ. - Dòng điện xoay chiều, tác dụng của dòng điện xoay chiều.	1		
5	Kim loại	- Tính chất chung của kim loại. - Dây hoạt động hoá học. - Tách kim loại và việc sử dụng hợp kim.	1	1	1
6	Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại	- Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại.	1		
7	Hydrocarbon và nguồn nhiên liệu	- Giới thiệu về chất hữu cơ. - Alkane (ankan). - Alkene (Anken). - Nguồn nhiên liệu.	1		1
8	Ethylic alcohol và acetic acid	- Ethylic alcohol (ancol etylic). - Acetic acid (axit axetic).	1	1	2
9	Lipid – carbohydrate – Protein - Polymer	- Lipid (lipid) và chất béo. - Carbohydrate (cacbohidrat). - Glucose (glucozo) và saccharose (saccarozo). - Tinh bột và cellulose (xenlulozo). - Protein. - Polymer (polime).	1	1	
10	Khai thác tài nguyên từ vỏ trái đất	- Sơ lược về hoá học vỏ Trái Đất và khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất. - Khai thác đá vôi. - Công nghiệp silicate. - Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu - Khai thác nhiên liệu hoá thạch.	1	1	
11	Di truyền học Mendel. Cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền	- Các quy luật di truyền của Mendel. - Nucleic và gene. - Tái bản DNA và phiên mã tạo RNA. - Dịch mã và mối quan hệ từ gen đến tính trạng. - Đột biến gene.	2	2	2
12	Di truyền Nhiễm sắc thể	- Cấu tạo và chức năng của NST. - Nguyên phân và giảm phân. - NST giới tính và cơ chế xác định giới tính. - Di truyền liên kết. - Đột biến NST.	2	2	2
13	Di truyền học với con người và đời sống	- Di truyền học với con người. - Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống.	1		
Tổng số lệnh hỏi			16	12	12

HẾT